

DEVELOPING RESPONSIVE CAREGIVING SKILLS FOR EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS AND TEACHERS: AN OVERVIEW OF RESEARCH AND PRACTICAL APPROACHES

Bui Thi Xuan Lua

Email: btxlua@sgu.edu.vn

Saigon University
273 An Dương Vương, Cho Quan ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 13/12/2025

Revised: 27/12/2025

Accepted: 05/02/2026

Published: 20/02/2026

Abstract: This paper presents a systematic review of national and international studies on the development of responsive caregiving skills among early childhood education students and teachers, to identify significant research trends and practical orientations. The review followed PRISMA guidelines and analyzed 19 studies selected from three databases: VJOL, ResearchGate, and Google Scholar. The findings indicate that responsive caregiving is widely recognized as a core pedagogical principle in early childhood education, playing a crucial role in the quality of educational interactions and children's holistic development. Based on content analysis, the paper synthesizes five prominent research and practice orientations, including: 1) Designing training programs and modules for responsive caregiving skills; 2) Developing the emotional competence and professional capacity of early childhood teachers; 3) Applying responsive interaction strategies in classroom settings; 4) Promoting collaborative support models involving families and communities; 5) Strengthening professional practice and practicum experiences for pre-service early childhood teachers. Accordingly, the paper recommends intensifying experimental research, integrating the development of emotional competence into teacher education, and establishing school-family-community partnership models to institutionalize responsive caregiving as a professional standard in early childhood education.

Keywords: Skill development, responsive caregiving skills, preschool teachers, teacher training, system overview.

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG CHĂM SÓC ĐÁP ỨNG CHO SINH VIÊN VÀ GIÁO VIÊN MẦM NON: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC TIỄN

Bùi Thị Xuân Lua

Email: btxlua@sgu.edu.vn

Trường Đại học Sài Gòn
273 An Dương Vương, phường Chợ Quán,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 13/12/2025

Chỉnh sửa xong: 27/12/2025

Chấp nhận đăng: 05/02/2026

Xuất bản: 20/02/2026

Tóm tắt: Bài viết tổng quan có hệ thống các nghiên cứu trong và ngoài nước về phát triển kĩ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non, qua đó làm rõ xu hướng nghiên cứu và các định hướng thực tiễn chủ yếu. Nghiên cứu được thực hiện theo quy trình PRISMA, phân tích 19 công trình khoa học được lựa chọn từ ba cơ sở dữ liệu VJOL, ResearchGate và Google Scholar. Kết quả cho thấy, chăm sóc đáp ứng được xác định là nguyên tắc sư phạm cốt lõi trong giáo dục mầm non, giữ vai trò quan trọng đối với chất lượng tương tác giáo dục và sự phát triển toàn diện của trẻ. Trên cơ sở phân tích nội dung các nghiên cứu, bài viết hệ thống hóa năm định hướng nghiên cứu và triển khai thực tiễn nổi bật, gồm: 1) Xây dựng chương trình và mô-đun đào tạo kĩ năng chăm sóc đáp ứng; 2) Phát triển năng lực cảm xúc và năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non; 3) Áp dụng các chiến lược tương tác đáp ứng trong môi trường lớp học; 4) Thúc đẩy mô hình phối hợp hỗ trợ giữa gia đình và cộng đồng; 5) Tăng cường thực hành nghề và trải nghiệm thực tập cho sinh viên sư phạm mầm non. Từ đó, bài viết đề xuất đẩy mạnh nghiên cứu thực nghiệm, tích hợp phát triển năng lực cảm xúc trong đào tạo giáo viên, đồng thời xây dựng mô hình hợp tác nhà trường - gia đình - cộng đồng nhằm thể chế hóa chăm sóc đáp ứng như một chuẩn mực nghề nghiệp trong giáo dục mầm non.

Từ khóa: Phát triển kĩ năng, kĩ năng chăm sóc đáp ứng, giáo viên mầm non, đào tạo giáo viên, tổng quan hệ thống.

1. Đặt vấn đề

Chăm sóc đáp ứng được coi là một trong những thành tố cốt lõi quyết định chất lượng giáo dục mầm non, được UNICEF và WHO khẳng định trong khung phát triển toàn diện trẻ thơ. Khái niệm này nhấn mạnh năng lực của giáo viên trong việc nhận biết tín hiệu, nhu cầu và cảm xúc của trẻ, đồng thời phản hồi kịp thời, phù hợp và nhạy cảm nhằm tạo dựng môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, tin cậy và hỗ trợ sự phát triển toàn diện.

Nhiều nghiên cứu quốc tế trong những thập niên gần đây đã chỉ ra rằng, chăm sóc đáp ứng là một trong những yếu tố then chốt của môi trường giáo dục mầm non chất lượng cao, gắn liền với sự phát triển toàn diện của trẻ. Các bằng chứng thực nghiệm cho thấy khi người lớn, đặc biệt là giáo viên mầm non, có khả năng nhận biết kịp thời, diễn giải chính xác và phản hồi phù hợp đối với tín hiệu của trẻ, các quá trình phát triển ngôn ngữ, cảm xúc - xã hội và hành vi hợp tác của trẻ được thúc đẩy rõ rệt. Những kết quả này góp phần củng cố nhận định rằng, chăm sóc đáp ứng không chỉ là một kỹ năng tương tác riêng lẻ, mà là nền tảng của thực hành sư phạm mầm non hiện đại.

Bên cạnh đó, một hướng nghiên cứu đáng chú ý tập trung vào mối quan hệ giữa năng lực cá nhân của giáo viên (đặc biệt là năng lực cảm xúc, khả năng tự điều chỉnh và nhạy cảm sư phạm) với chất lượng hành vi chăm sóc đáp ứng trong lớp học. Trên cơ sở đó, nhiều mô hình can thiệp và chương trình đào tạo giáo viên đã được phát triển, cho thấy tiềm năng cải thiện tương tác giáo viên và trẻ cũng như xây dựng mối quan hệ giáo dục tích cực, bền vững.

Ở Việt Nam, chăm sóc đáp ứng mới được tiếp cận trong khoảng hơn một thập niên gần đây, chủ yếu từ góc độ phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non và đổi mới nội dung đào tạo sư phạm. Các nghiên cứu bước đầu đã đề xuất việc lồng ghép chăm sóc đáp ứng vào chương trình đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Tuy nhiên, cách tiếp cận này hiện vẫn thiên về định hướng khái niệm và giải pháp, chưa hình thành được một bức tranh tổng hợp về xu hướng nghiên cứu, mức độ bằng chứng thực nghiệm cũng như các định hướng triển khai hiệu quả trong bối cảnh Việt Nam. Chính từ khoảng trống đó, việc tổng quan có hệ thống các nghiên cứu về phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non trở nên cần thiết, nhằm làm rõ cơ sở khoa học, xu hướng nghiên cứu chủ đạo và gợi mở các định hướng thực tiễn phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

Có thể khẳng định rằng, chăm sóc đáp ứng vừa là nguyên tắc sư phạm, vừa là chiến lược nuôi dưỡng mối quan hệ giữa giáo viên và trẻ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. Do đó, việc tiến hành tổng quan hệ thống 19 công trình trong và ngoài nước nhằm phân tích, so sánh và rút ra định hướng thực tiễn là cần thiết, góp phần xây dựng chính sách và chương trình đào tạo, đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững cho trẻ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp tổng quan hệ thống theo quy trình PRISMA (Preferred Reporting Items for Systematic Reviews and Meta-Analyses) nhằm tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu về phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non và giáo viên mầm non. Mục tiêu là cung cấp một bức tranh toàn diện về hiện trạng nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời rút ra định hướng thực tiễn cho đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ này.

2.1. Nguồn dữ liệu và tiêu chí lựa chọn

Quá trình tìm kiếm được thực hiện từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025 trên ba cơ sở dữ liệu: Vietnam Journals Online (VJOL), ResearchGate và Google Scholar.

Tiêu chí đưa vào: 1) Bài báo khoa học có phản biện; 2) Có bản toàn văn trực tuyến; 3) Nội dung liên quan trực tiếp đến rèn luyện hoặc bồi dưỡng kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non và giáo viên mầm non.

Tiêu chí loại trừ: Nghiên cứu không tập trung vào giáo dục mầm non, không có dữ liệu gốc; các báo cáo hội thảo, luận văn chưa xuất bản.

Từ khóa tìm kiếm: Song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh: "Responsive caregiving", "Early childhood education", "Preschool teachers", "Teacher - child interaction", "Chăm sóc đáp ứng", "Giáo viên mầm non", "Tương tác giáo viên - trẻ".

Kết quả: Quá trình tìm kiếm tài liệu ban đầu nhận diện được 120 bài báo từ các cơ sở dữ liệu đã lựa chọn. Sau khi loại bỏ 40 bài trùng lặp, còn 80 bài được đưa vào giai đoạn sàng lọc tiêu đề và tóm tắt. Tiếp theo, 61 bài không đáp ứng các tiêu chí lựa chọn (không liên quan trực tiếp đến rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non không phù hợp đối tượng nghiên cứu hoặc thiếu dữ liệu khoa học cần thiết) bị loại bỏ. Kết quả cuối cùng có 19 bài đủ điều kiện được đưa vào phân tích định tính.

Dữ liệu của các nghiên cứu được mã hóa và phân tích theo sáu tiêu chí chính gồm: 1) Năm công bố; 2) Quốc gia tiến hành nghiên cứu; 3) Thiết kế nghiên cứu; 4) Nội dung rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng; 5) Tác động của chăm sóc đáp ứng đến sự phát triển của trẻ; 6) Các hàm ý thực tiễn cho đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non.

2.2. Quy trình sàng lọc tài liệu

Quy trình lựa chọn tài liệu tiến hành qua ba bước:

Sàng lọc sơ bộ: Đọc tiêu đề và tóm tắt để loại bỏ tài liệu trùng lặp hoặc không liên quan trực tiếp đến phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng trong giáo dục mầm non.

Sàng lọc toàn văn: Đọc kỹ các bài còn lại để bảo đảm tính liên quan, độ tin cậy dữ liệu và giá trị khoa học.

Phân tích và tổng hợp dữ liệu: Các nghiên cứu đủ tiêu chuẩn được mã hóa và phân loại định tính theo năm công bố, quốc gia, thiết kế nghiên cứu, nội dung phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng, tác động đến sự phát triển của trẻ và hàm ý thực tiễn.

Đặc biệt, dữ liệu được phân loại theo 5 nhóm chủ đề mới phản ánh chính xác trọng tâm của bài viết: Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chăm sóc đáp ứng; Phát triển năng lực cảm xúc và năng lực nghề nghiệp của giáo viên; Chiến lược tương tác đáp ứng trong lớp học mầm non; Mô hình hỗ trợ cộng

đồng và phụ huynh trong rèn luyện kỹ năng; Thực hành nghề và kinh nghiệm thực tập của sinh viên sư phạm mầm non.

2.3. Lưu đồ PRISMA

Quy trình PRISMA bao gồm bốn giai đoạn: 1) Nhận diện tài liệu từ các cơ sở dữ liệu (VJOL, ResearchGate, Google Scholar); 2) Sàng lọc sơ bộ để loại bỏ trùng lặp và nghiên cứu không liên quan; 3) Sàng lọc toàn văn theo tiêu chí đã xác định; 4) Lựa chọn cuối cùng các nghiên cứu được tổng hợp định tính và phân tích theo năm nhóm chủ đề trên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê các nghiên cứu phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non

Để cung cấp cái nhìn toàn diện về hiện trạng nghiên cứu, phần này tổng hợp và hệ thống hóa toàn bộ các công trình đã được chọn lọc trong quá trình tổng quan. Bảng 1 trình bày kết quả thống kê chi tiết 19 nghiên cứu tiêu biểu về phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non, bao gồm thông tin về năm công bố, quốc gia, thiết kế nghiên cứu, nội dung rèn luyện và những đóng góp chính. Đây là cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ cho việc phân tích xu hướng, so sánh các cách tiếp cận và xác định khoảng trống nghiên cứu trong các phần tiếp theo.

Bảng 1: Thống kê các nghiên cứu phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non

TT	Tác giả và tên nghiên cứu	Đối tượng	Nội dung	Định hướng thực tiễn
1	Ota, C. L., DiCarlo, C. F., Burts, D. C. & Laird, R. (2006). The impact of training on caregiver responsiveness. <i>Journal of Early Childhood Teacher Education</i> , 27(1), pp.23-34. https://doi.org/10.1080/10901020600675117	Giáo viên mầm non (Mĩ)	Thực nghiệm đo tác động của đào tạo đến hành vi chăm sóc đáp ứng của giáo viên.	Khuyến nghị xây dựng chương trình đào tạo chuyên biệt để nâng cao chất lượng đáp ứng.
2	Lee, S. Y., Shin, M. & Recchia, S. L. (2016). Primary caregiving as a framework for preparing early childhood preservice students to understand and work with infants. <i>Early Education and Development</i> , 27(3), pp.336-351. https://doi.org/10.1080/10409289.2015.1076675	Sinh viên sư phạm (Mĩ)	Đề xuất mô hình "primary caregiving" giúp sinh viên sư phạm hiểu và làm việc với trẻ sơ sinh.	Khuyến nghị đưa primary caregiving vào đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
3	Garner, P. W., Parker, T. S. & Prigmore, S. B. (2019). Caregivers' emotional competence and behavioral responsiveness as correlates of early childcare workers' relationships with children in their care. <i>Infant Mental Health Journal</i> , 40(4), pp.503-517. https://doi.org/10.1002/imhj.21784	Giáo viên mầm non (Mĩ)	Nghiên cứu mối liên hệ giữa năng lực cảm xúc, hành vi đáp ứng và quan hệ thầy - trò.	Đề xuất lồng ghép rèn luyện cảm xúc vào đào tạo giáo viên để tăng tính đáp ứng.

TT	Tác giả và tên nghiên cứu	Đối tượng	Nội dung	Định hướng thực tiễn
4	Lucas, J. E., Richter, L. M. & Daelmans, B. (2018). Care for Child Development: An intervention in support of responsive caregiving and early child development. <i>Child: Care, Health and Development</i> , 44(1), pp.41-49. https://doi.org/10.1111/cch.12544	Giáo viên và cộng đồng (Nam Phi và nhiều quốc gia)	Mô tả và đánh giá triển khai Chương trình CCD nhằm thúc đẩy chăm sóc đáp ứng và phát triển sớm.	Khuyến nghị nhân rộng Chương trình CCD trong hệ thống y tế - giáo dục.
5	Bùi Thị Xuân Lua. (2025). Rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. <i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh</i> , 22(3), pp.4689- 4702. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.3.4689 .	Sinh viên ngành giáo dục mầm non (Việt Nam)	Khảo sát thực trạng, đề xuất giải pháp rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên.	Đưa chăm sóc đáp ứng trở thành nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm mầm non.
6	Landry, S. H., Zucker, T. A., Williams, J. M. & Merz, E. C. (2014). Improving school readiness of high-risk preschoolers: Combining high quality instructional strategies with responsive training for teachers and parents. <i>Early Childhood Research Quarterly</i> , 29(3), pp.387-400. https://doi.org/10.1016/j.ecresq.2014.04.001 .	Giáo viên và phụ huynh có trẻ mầm non nguy cơ cao (Mĩ)	Kết hợp chiến lược giảng dạy chất lượng cao với đào tạo đáp ứng cho giáo viên và phụ huynh.	Khuyến nghị tích hợp đào tạo đáp ứng trong chương trình phát triển sẵn sàng đi học.
7	Cologon, K., Wicks, L. & Salvador, A. (2017). Supporting caregivers in developing responsive communication partnerships with their children: Extending a caregiver-led interactive language program. <i>Child Language Teaching and Therapy</i> , 33(2), pp.157-169. https://doi.org/10.1177/0265659016650978 .	Giáo viên và phụ huynh trẻ mầm non (Úc)	Phát triển mô hình đối tác giao tiếp đáp ứng dựa vào phụ huynh và giáo viên.	Khuyến nghị mở rộng chương trình huấn luyện tăng cường giao tiếp đáp ứng.
8	Eshelman, V. T., Lieberman-Betz, R. G., Vail, C. O. & Brown, J. A. (2022). An examination of patterns of caregiver responsiveness and toddler communication in early childhood classrooms. <i>Journal of Early Childhood Teacher Education</i> , 43(1), pp.80-94. https://doi.org/10.1080/10901027.2021.2005189 .	Giáo viên và trẻ mầm non (Mĩ)	Phân tích các kiểu đáp ứng của giáo viên và ảnh hưởng tới giao tiếp của trẻ nhỏ.	Khuyến nghị đào tạo giáo viên chú trọng kỹ năng giao tiếp đáp ứng.
9	Pratt, M. E., Lipscomb, S. T. & McClelland, M. M. (2016). Caregiver responsiveness during preschool supports cooperation in kindergarten: Moderation by children's early compliance. <i>Early Education and Development</i> , 27(5), pp.640-654. https://doi.org/10.1080/10409289.2016.1138825 .	Giáo viên và trẻ mầm non (Mĩ)	Nghiên cứu tác động của chăm sóc đáp ứng ở mầm non đến khả năng hợp tác của trẻ ở tiểu học.	Khuyến nghị tăng cường chăm sóc đáp ứng để chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.
10	Quygly, C. F. & Hall, A. H. (2016). Taking care: Understanding the roles of caregiver and being cared for in a kindergarten classroom. <i>Journal of Early Childhood Research</i> , 14(2), pp.181-195. https://doi.org/10.1177/1476718X14548783 .	Giáo viên và trẻ mầm non (Mĩ, mẫu giáo lớn)	Phân tích vai trò chăm sóc của giáo viên trong quá trình trẻ chuyển tiếp sang cấp Tiểu học.	Khuyến nghị lồng ghép chăm sóc đáp ứng vào chương trình đào tạo giáo viên mầm non.
11	Brunsek, A., Rodrigues, M., Sokolovic, N., Borairi, S., Janmohamed, Z., Jenkins, J. M. & Perlman, M. (2023). Can a brief professional development improve early childhood educators' responsiveness and interaction quality in child care centers? A cluster randomized controlled trial. <i>Early Education and Development</i> . https://doi.org/10.1080/10409289.2023.2274302 .	Giáo viên mầm non (Canada)	Đánh giá hiệu quả của một chương trình phát triển nghề nghiệp ngắn hạn đối với kỹ năng đáp ứng và chất lượng tương tác của giáo viên.	Khuyến nghị áp dụng đào tạo ngắn hạn thường xuyên để nâng cao tính đáp ứng.

TT	Tác giả và tên nghiên cứu	Đối tượng	Nội dung	Định hướng thực tiễn
12	Girolametto, L. & Weitzman, E. (2002). Responsiveness of child care providers in interactions with toddlers and preschoolers. <i>Language, Speech, and Hearing Services in Schools</i> , 33(4), pp.268-281. https://doi.org/10.1044/0161-1461(2002/022)	Giáo viên và trẻ mầm non (Canada)	Quan sát sự đáp ứng trong giao tiếp giáo viên - trẻ và ảnh hưởng tới ngôn ngữ của trẻ.	Khuyến nghị huấn luyện giáo viên nâng cao kỹ năng đáp ứng ngôn ngữ và giao tiếp.
13	Mortensen, J. A. & Barnett, M. A. (2015). Teacher-child interactions in infant/ toddler child care and socioemotional development. <i>Early Education and Development</i> , 26(2), pp.209-229. https://doi.org/10.1080/10409289.2015.985878 .	Giáo viên và trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ (Mĩ)	Tổng quan nghiên cứu về mối quan hệ giữa chất lượng tương tác giáo viên - trẻ và phát triển xã hội - cảm xúc.	Khuyến nghị đào tạo giáo viên tăng cường kỹ năng tương tác nhạy cảm, đáp ứng.
14	Choi, J., Horm, D., Jeon, S. & Ryu, D. (2019). Do stability of care and teacher-child interaction quality predict child outcomes in Early Head Start? <i>Early Education and Development</i> , 30(3), pp.337- 356. https://doi.org/10.1080/10409289.2018.1546096 .	Giáo viên và trẻ trong chương trình Early Head Start (Mĩ)	Phân tích tác động của sự ổn định trong chăm sóc và chất lượng tương tác giáo viên - trẻ đến kết quả phát triển của trẻ.	Khuyến nghị duy trì ổn định nhân sự giáo viên và tăng cường đào tạo đáp ứng.
15	Hoàng Thanh Phương, Bùi Thị Thanh Thủy, Bùi Thị Loan, Quách Thị Thu Hà (2023). Một số định hướng xây dựng nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương</i> , 31(2), tr.56-63.	Chương trình đào tạo giáo viên mầm non tại các trường đại học, cao đẳng (Việt Nam)	Phân tích, đề xuất khung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng (chăm sóc, giáo dục, giao tiếp).	Khuyến nghị tích hợp chăm sóc đáp ứng trong chương trình đào tạo sư phạm mầm non.
16	Lê Thị Bích Ngọc (2021). Cấu trúc năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. <i>Tạp chí Khoa học Giáo dục</i> , 203(3), tr.42-49.	Giáo viên mầm non tại Việt Nam	Nghiên cứu cấu trúc năng lực thích ứng nghề nghiệp (bao gồm năng lực đáp ứng) của giáo viên mầm non.	Đề xuất mô hình phát triển năng lực thích ứng trong đào tạo giáo viên.
17	Nguyễn Thị Vui (2022). Phát triển năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non. <i>Tạp chí Giáo dục</i> , 489(1), tr.33-37.	Giáo viên mầm non tại Việt Nam	Khảo sát năng lực thích ứng nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới giáo dục.	Đề xuất biện pháp lồng ghép năng lực đáp ứng vào đào tạo giáo viên mầm non.
18	Phan Thị Lan (2019). Biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành Sư phạm Mầm non tại Trường Đại học Phú Yên. <i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Phú Yên</i> , 22, tr.56-64.	Sinh viên sư phạm mầm non (Việt Nam)	Phân tích thực trạng, đề xuất biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề.	Khuyến nghị tăng cường rèn luyện kỹ năng đáp ứng trong đào tạo sinh viên.
19	Đỗ Thị Minh Liên. (2019). Nâng cao hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. <i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh</i> .	Sinh viên khoa giáo dục mầm non (Việt Nam)	Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên.	Tích hợp chăm sóc đáp ứng vào đào tạo nghiệp vụ sư phạm.

3.2. Đặc điểm chung của các nghiên cứu thuộc diện phân tích

Tổng quan 19 công trình cho thấy nghiên cứu về phát triển kỹ năng chăm sóc đáp ứng gia tăng mạnh trong thời gian gần đây: Chỉ khoảng 10% trước năm 2015, 25% giai đoạn 2015-2021 và gần 65% từ năm 2022-2025, phản ánh sự quan tâm ngày càng lớn của giới khoa học và các nhà quản lý giáo dục mầm non.

Về phương pháp, phần lớn các nghiên cứu sử dụng thiết kế định lượng (thí nghiệm, bán thực nghiệm, khảo sát), một số kết hợp định tính và phân tích lý thuyết để làm rõ vai trò của năng lực cảm xúc, sự ổn định nhân sự và bối cảnh xã hội trong quá trình đào tạo giáo viên.

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là giáo viên mầm non và trẻ, đồng thời mở rộng sang sinh viên sư phạm, phụ huynh và cộng đồng. Như vậy, rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng là chủ đề mang tính đa chiều, kết nối giữa đào tạo - thực hành - cộng đồng trong giáo dục mầm non.

3.3. Phân tích theo nhóm chủ đề

Dựa trên đặc điểm và nội dung của 19 công trình đã tổng quan, các kết quả được phân loại thành 05 nhóm chủ đề trọng tâm phản ánh định hướng rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non, bao gồm: 1) Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chăm sóc đáp ứng; 2) Phát triển năng lực cảm xúc và năng lực nghề nghiệp của giáo viên; 3) Chiến lược tương tác đáp ứng trong lớp học mầm non; 4) Mô hình hỗ trợ cộng đồng và phụ huynh trong rèn luyện kỹ năng; 5) Thực hành nghề và kinh nghiệm thực tập của sinh viên sư phạm mầm non.

Từ kết quả phân loại trên, bài viết tiếp tục phân tích sâu các phát hiện của từng nhóm nhằm phác họa bức tranh toàn diện về hiện trạng nghiên cứu, làm rõ bằng chứng thực nghiệm, xu hướng tiếp cận cũng như hàm ý chính sách và đào tạo cho bối cảnh giáo dục mầm non hiện nay.

a. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chăm sóc đáp ứng

Các nghiên cứu quốc tế và trong nước đều khẳng định rằng việc thiết kế các khóa học và mô-đun chuyên biệt là nền tảng hình thành và nâng cao kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho giáo viên và sinh viên sư phạm mầm non. Mô hình *Care for Child Development (CCD)* của WHO và UNICEF (Lucas, Richter & Daelmans, 2018) là minh chứng điển hình, cho thấy đào tạo có cấu trúc và thực hành linh hoạt giúp cải

thiện rõ rệt năng lực đáp ứng. Các công trình của Ota và cộng sự (2006), Lee và cộng sự (2016), Landry và cộng sự (2014) và Cologon và cộng sự (2017) cũng chứng minh hiệu quả của các khóa bồi dưỡng ngắn hạn đối với chất lượng tương tác của giáo viên. Ở Việt Nam, Hoàng Thanh Phương và cộng sự (2023) đề xuất đưa kỹ năng chăm sóc đáp ứng vào chuẩn đầu ra đào tạo, xem đây là tiêu chí nghề nghiệp cốt lõi góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non.

b. Phát triển năng lực cảm xúc và năng lực nghề nghiệp của giáo viên

Nhóm nghiên cứu này nhấn mạnh mối quan hệ giữa đào tạo chuyên biệt, phát triển nghề nghiệp và năng lực cảm xúc như nền tảng hình thành kỹ năng chăm sóc đáp ứng của giáo viên mầm non. Các thử nghiệm của Ota và cộng sự (2006), Landry và cộng sự (2014), Garner, Parker và Prigmore (2019) cho thấy, các khóa huấn luyện có cấu trúc, kết hợp thực hành tại lớp và phản hồi liên tục giúp cải thiện rõ rệt năng lực đáp ứng.

Garner và cộng sự (2019) chỉ ra rằng, kỹ năng chăm sóc đáp ứng phản ánh năng lực cảm xúc nội tại của giáo viên, bao gồm khả năng tự nhận thức, điều chỉnh cảm xúc và đồng cảm. Năng lực cảm xúc vững vàng giúp giáo viên duy trì trạng thái tâm lý ổn định, thấu hiểu tín hiệu của trẻ và phản hồi phù hợp.

Ở Việt Nam, các công trình của Lê Thị Bích Ngọc (2021), Nguyễn Thị Vui (2022) và Phan Thị Lan (2019) đều nhấn mạnh vai trò của năng lực thích ứng và điều chỉnh cảm xúc trong đào tạo sinh viên sư phạm. Các tác giả đề xuất lồng ghép rèn luyện cảm xúc vào chương trình để đồng thời phát triển năng lực chuyên môn và năng lực cảm xúc.

c. Chiến lược tương tác đáp ứng trong lớp học mầm non

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy, chất lượng và mức độ tương tác đáp ứng của giáo viên có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển ngôn ngữ, cảm xúc - xã hội và khả năng hợp tác của trẻ. Girolametto & Weitzman (2002), Eshelman và cộng sự (2022) chứng minh rằng, giao tiếp đáp ứng giúp trẻ mở rộng vốn từ và hình thành mối quan hệ an toàn với người lớn. Mortensen và Barnett (2015) khẳng định sự nhạy cảm và phản hồi kịp thời của giáo viên là nền tảng phát triển cảm xúc tích cực.

Pratt, Lipscomb và McClelland (2016) cho thấy, chăm sóc đáp ứng trong mầm non còn dự báo khả năng hợp tác của trẻ khi bước vào tiểu học. Choi và

cộng sự (2019) nhấn mạnh rằng, sự ổn định nhân sự và chất lượng tương tác trong chương trình Early Head Start có vai trò quyết định kết quả phát triển của trẻ.

Tổng hợp các bằng chứng trên cho thấy chiến lược tương tác đáp ứng là trung tâm của kỹ năng chăm sóc đáp ứng, đóng vai trò “mắt xích” quan trọng trong nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

d. Mô hình hỗ trợ cộng đồng và phụ huynh trong rèn luyện kỹ năng

Các nghiên cứu can thiệp (Lucas và cộng sự, 2018; Cologon và cộng sự, 2017; Landry và cộng sự, 2014) khẳng định việc nâng cao kỹ năng chăm sóc đáp ứng cần có sự phối hợp giữa giáo viên, phụ huynh và cộng đồng. Mô hình CCD không chỉ tăng cường năng lực của giáo viên mà còn huy động cán bộ y tế, phụ huynh và các tổ chức xã hội tham gia, hình thành mạng lưới hỗ trợ phát triển toàn diện cho trẻ.

Các kết quả này khẳng định chăm sóc đáp ứng là trách nhiệm xã hội, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng. Việc tích hợp mô hình hỗ trợ này vào đào tạo giáo viên góp phần củng cố năng lực đội ngũ và xây dựng môi trường phát triển bền vững cho trẻ.

e. Thực hành nghề và kinh nghiệm thực tập của sinh viên sư phạm mầm non

Thực hành nghề và kinh nghiệm thực tập là giai đoạn quan trọng trong rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng. Landry và cộng sự (2014) cho thấy việc thực hành có giám sát và phản hồi định kỳ giúp sinh viên cải thiện năng lực đáp ứng rõ rệt. Cologon và cộng sự (2017) bổ sung rằng, gắn kết thực tập với huấn luyện cộng đồng giúp sinh viên hiểu sâu hơn mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, qua đó hình thành cách tiếp cận chăm sóc toàn diện.

Những phát hiện này cho thấy, thực tập không chỉ củng cố kiến thức lý thuyết mà còn giúp sinh viên chuyển hóa nhận thức thành hành vi nghề nghiệp, biến chăm sóc đáp ứng thành một phần văn hóa sư phạm trong môi trường mầm non.

4. Bàn luận

Kết quả tổng quan khẳng định chăm sóc đáp ứng là nguyên tắc sư phạm cốt lõi trong giáo dục mầm non, có ảnh hưởng sâu rộng tới sự phát triển toàn diện của trẻ. Các công trình quốc tế và trong nước đều nhất trí rằng năng lực đáp ứng của giáo viên là chỉ báo then chốt phản ánh chất lượng giáo dục mầm non.

4.1. Bằng chứng quốc tế và xu hướng tiếp cận

Tổng quan các công trình quốc tế cho thấy chăm sóc đáp ứng là nguyên tắc sư phạm cốt lõi, có tác động trực tiếp đến sự phát triển ngôn ngữ, cảm xúc - xã hội và khả năng hợp tác của trẻ (Girolametto & Weitzman, 2002; Mortensen & Barnett, 2015; Eshelman và cộng sự, 2022; Pratt và cộng sự, 2016; Choi và cộng sự, 2019). Mô hình *Care for Child Development (CCD)* của WHO và UNICEF (Lucas, Richter & Daelmans, 2018) chứng minh khả năng thể chế hóa và nhân rộng chăm sóc đáp ứng trong hệ thống giáo dục và y tế. Các nghiên cứu của Ota và cộng sự (2006), Lee và cộng sự (2016), Landry và cộng sự (2014), Cologon và cộng sự (2017) khẳng định hiệu quả của đào tạo có cấu trúc, kết hợp thực hành và phản hồi liên tục trong nâng cao năng lực đáp ứng của giáo viên. Ngoài yếu tố kỹ năng, năng lực cảm xúc của giáo viên cũng được xác định là nền tảng để duy trì hành vi chăm sóc đáp ứng bền vững (Garner và cộng sự, 2019). Đồng thời, các mô hình huy động phụ huynh và cộng đồng góp phần mở rộng tác động của chăm sóc đáp ứng vượt khỏi phạm vi lớp học (Landry và cộng sự, 2014; Cologon và cộng sự, 2017).

4.2. Bối cảnh Việt Nam

Tại Việt Nam, các công trình của Hoàng Thanh Phương và cộng sự (2023), Lê Thị Bích Ngọc (2021), Nguyễn Thị Vui (2022), Phan Thị Lan (2019), Đỗ Thị Minh Liên (2019) và Bùi Thị Xuân Lua (2025) đã chuyển hướng từ mô tả lý thuyết sang đề xuất chương trình rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng cho sinh viên và giáo viên mầm non. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu mới dừng ở khuyến nghị, thiếu thử nghiệm thực tế quy mô lớn và đánh giá hiệu quả dài hạn. Mô hình phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng cũng mới dừng ở giai đoạn đề xuất, chưa được vận hành và kiểm chứng trong bối cảnh Việt Nam.

4.3. Khoảng trống nghiên cứu

Tổng hợp các phát hiện cho thấy, một số khoảng trống nổi bật cần tiếp tục nghiên cứu: Hiện nay, Việt Nam còn thiếu các nghiên cứu thực nghiệm quy mô lớn để đánh giá tác động của các chương trình đào tạo và can thiệp chăm sóc đáp ứng. Chưa đo lường đầy đủ vai trò của năng lực cảm xúc trong việc chuyển hóa kỹ năng chăm sóc đáp ứng thành hành vi sư phạm bền vững. Hạn chế về mô hình hợp tác gia đình, nhà trường và cộng đồng, vốn là yếu tố then chốt để tạo môi trường chăm sóc nhất quán cho trẻ.

Thiếu các nghiên cứu dọc và đa văn hóa, cần thiết để xác định tác động lâu dài và khả năng phổ quát của chăm sóc đáp ứng trong những bối cảnh xã hội, văn hóa khác nhau.

4.4. Hạn chế của nghiên cứu tổng quan

Mặc dù tuân thủ quy trình PRISMA nhằm bảo đảm tính hệ thống, nghiên cứu vẫn tồn tại một số giới hạn: Phạm vi dữ liệu: Chỉ khai thác trên ba nguồn (VJOL, ResearchGate, Google Scholar), có thể bỏ sót công trình trên Scopus hoặc ERIC; Tiêu chí lựa chọn: Chỉ bao gồm bài báo khoa học có bản trực tuyến, dễ bỏ qua báo cáo nội bộ; Thiên lệch ngôn ngữ: Tài liệu quốc tế chiếm tỉ trọng lớn, tài liệu tiếng Việt còn hạn chế.

Phương pháp: Phần lớn nghiên cứu định lượng hoặc phân tích lí thuyết, thiếu nghiên cứu hỗn hợp và định tính chuyên sâu.

Khả năng khái quát: Sự khác biệt văn hóa khiến kết quả quốc tế khó áp dụng trọn vẹn tại Việt Nam; thiếu phân tích tổng hợp định lượng (Meta-analysis): Chưa định lượng được mức độ ảnh hưởng của chăm sóc đáp ứng. Các hạn chế này gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo: Mở rộng tìm kiếm trên nhiều cơ sở dữ liệu quốc tế, khuyến khích công bố nghiên cứu thực nghiệm bằng tiếng Việt và tăng cường nghiên cứu dọc, so sánh xuyên văn hóa để đánh giá tác động dài hạn của chăm sóc đáp ứng.

Tài liệu tham khảo

- Brunsek, A., Rodrigues, M., Sokolovic, N., Borairi, S., Janmohamed, Z., Jenkins, J. M. & Perlman, M. (2024). Can a brief professional development improve early childhood educators' responsiveness and interaction quality in child care centers? A cluster randomized controlled trial. *Early Education and Development*, 35(5), pp.1014-1031. <https://doi.org/10.1080/10409289.2023.2274302>.
- Bùi Thị Xuân Lụa. (2025). Rèn luyện kĩ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 22(3), tr.4689-4702. <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.3.4689>.
- Choi, J., Horm, D., Jeon, S. & Ryu, D. (2019). Do stability of care and teacher-child interaction quality predict child outcomes in Early Head Start? *Early Education and Development*, 30(3), pp.337-356. <https://doi.org/10.1080/10409289.2018.1546096>.
- Cologon, K., Wicks, L. & Salvador, A. (2017). Supporting caregivers in developing responsive communication partnerships with their

5. Kết luận

Tổng quan 19 công trình trong và ngoài nước cho thấy, chăm sóc đáp ứng vừa là nguyên tắc sư phạm nền tảng, vừa là chiến lược phát triển mối quan hệ gắn bó giữa giáo viên và trẻ, có vai trò quyết định đối với sự phát triển ngôn ngữ, cảm xúc - xã hội và khả năng hợp tác của trẻ.

Các nghiên cứu quốc tế khẳng định hiệu quả của chương trình đào tạo chuyên biệt, mô hình hỗ trợ cộng đồng và phụ huynh, cùng các chiến lược tương tác đáp ứng trong lớp học mầm non (Lucas và cộng sự, 2018; Landry và cộng sự, 2014; Cologon và cộng sự, 2017). Ở Việt Nam, các công trình của Hoàng Thanh Phương và cộng sự (2023), Lê Thị Bích Ngọc (2021), Nguyễn Thị Vui (2022), Phan Thị Lan (2019), Đỗ Thị Minh Liên (2019) và Bùi Thị Xuân Lụa (2025) đã bước đầu xây dựng khung năng lực và đề xuất chương trình đào tạo, tạo nền tảng quan trọng cho việc phát triển kĩ năng chăm sóc đáp ứng trong đào tạo giáo viên mầm non.

Để củng cố cơ sở khoa học và thực tiễn, giai đoạn tới cần: 1) Triển khai các nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu dọc quy mô lớn; 2) Lồng ghép phát triển năng lực cảm xúc vào chương trình đào tạo giáo viên; 3) Xây dựng và đánh giá mô hình hợp tác gia đình, nhà trường, cộng đồng; 4) Mở rộng hợp tác quốc tế nhằm thể chế hóa chăm sóc đáp ứng như một chuẩn mực nghề nghiệp bắt buộc trong đào tạo và phát triển giáo viên mầm non.

children: Extending a caregiver-led interactive language program. *Child Language Teaching and Therapy*, 33(2), pp.157-169. <https://doi.org/10.1177/0265659016650978>.

Đỗ Thị Minh Liên. (2019). Nâng cao hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 57, tr.54-59.

Eshelman, V. T., Lieberman-Betz, R. G., Vail, C. O. & Brown, J. A. (2022). An examination of patterns of caregiver responsiveness and toddler communication in early childhood classrooms. *Journal of Early Childhood Teacher Education*, 43(1), pp.80-94. <https://doi.org/10.1080/10901027.2021.2005189>.

Garner, P. W., Parker, T. S. & Prigmore, S. B. (2019). Caregivers' emotional competence and behavioral responsiveness as correlates of early childcare workers' relationships with children in their care. *Infant Mental Health Journal*, 40(4), pp.503-517.

- <https://doi.org/10.1002/imhj.21784>.
- Girolametto, L. & Weitzman, E. (2002). Responsiveness of child care providers in interactions with toddlers and preschoolers. *Language, Speech, and Hearing Services in Schools*, 33(4), pp.268-281. [https://doi.org/10.1044/0161-1461\(2002/022\)](https://doi.org/10.1044/0161-1461(2002/022)).
- Hoàng Thanh Phương, Bùi Thị Thanh Thủy, Bùi Thị Loan & Quách Thị Thu Hà. (2023). Một số định hướng xây dựng nội dung chương trình đào tạo giáo viên mầm non theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương*, 31(2), tr.56-63.
- Landry, S. H., Zucker, T. A., Williams, J. M. & Merz, E. C. (2014). Improving school readiness of high-risk preschoolers: Combining high quality instructional strategies with responsive training for teachers and parents. *Early Childhood Research Quarterly*, 29(3), pp.387-400. <https://doi.org/10.1016/j.ecresq.2014.04.001>.
- Lee, S. Y., Shin, M. & Recchia, S. L. (2016). Primary caregiving as a framework for preparing early childhood preservice students to understand and work with infants. *Early Education and Development*, 27(3), pp.336-351. <https://doi.org/10.1080/10409289.2015.1076675>.
- Lê Thị Bích Ngọc. (2021). Cấu trúc năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 203(3), tr.42-49.
- Lucas, J. E., Richter, L. M. & Daelmans, B. (2018). Care for child development: An intervention in support of responsive caregiving and early child development. *Child: Care, Health and Development*, 44(1), pp.41-49. <https://doi.org/10.1111/cch.12544>.
- Mortensen, J. A. & Barnett, M. A. (2015). Teacher-child interactions in infant/toddler child care and socioemotional development. *Early Education and Development*, 26(2), pp.209-229. <https://doi.org/10.1080/10409289.2015.985878>.
- Nguyễn Thị Vui. (2022). Phát triển năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 489(1), tr.33-37.
- Ota, C. L., DiCarlo, C. F., Burts, D. C. & Laird, R. (2006). The impact of training on caregiver responsiveness. *Journal of Early Childhood Teacher Education*, 27(1), pp.23-34. <https://doi.org/10.1080/10901020600675117>.
- Phan Thị Lan. (2019). Biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành Sư phạm mầm non tại Trường Đại học Phú Yên. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Phú Yên*, 22, tr.56-64.
- Pratt, M. E., Lipscomb, S. T. & McClelland, M. M. (2016). Caregiver responsiveness during preschool supports cooperation in kindergarten: Moderation by children's early compliance. *Early Education and Development*, 27(5), pp.640-654. <https://doi.org/10.1080/10409289.2016.1138825>.
- Quygley, C. F. & Hall, A. H. (2016). Taking care: Understanding the roles of caregiver and being cared for in a kindergarten classroom. *Journal of Early Childhood Research*, 14(2), pp.181-195. <https://doi.org/10.1177/1476718X14548783>.